


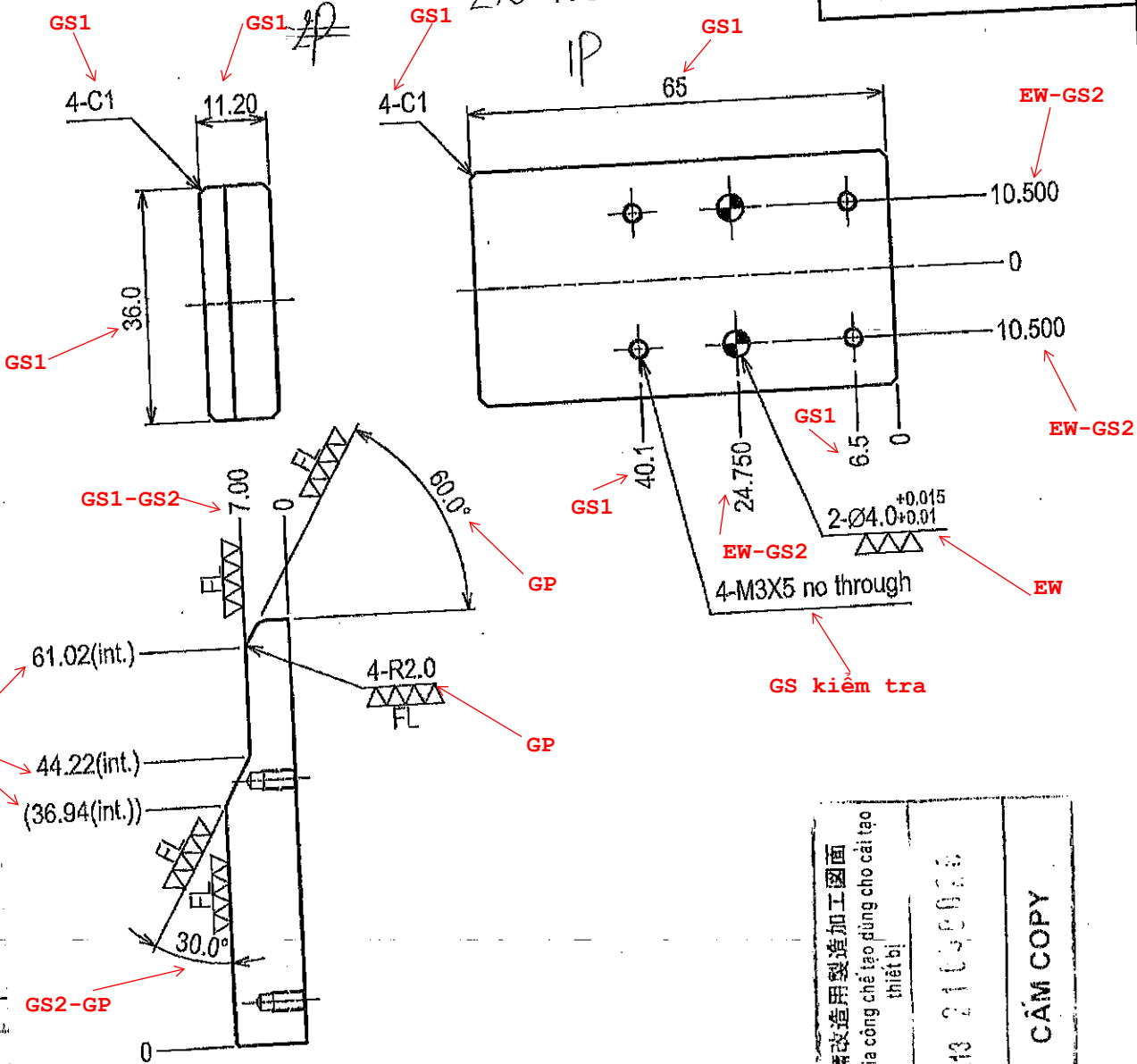
DH 1P
TK 1P

4141050301.R058346 - GIA CONG - 17/08/2021

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	OWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
Init.	2016/9/1	新机设计		Wang_Gan_Pei	Ye_Chang_Jing	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0

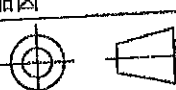
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED	
FINISH MARKS	
FL ()	

~~213 105 081A~~
213 105 081A
IP



致請改造用製造加工圖面
此圖係根據設計圖面
設計圖面
8VCT-213 21050808
CẤM COPY

BTP R058 346

DSGND.		CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
Wang_Gan_Pei		Ye_Chang_Jing	部品図 PART DRAWING		入駒 INSERT PIECE	
QUENCH&TEMPER		SURFACE	部品図		嵌入嵌塊	
HRC 0°~0°			部品図		DWG.No.	
MATERIAL		DATE	SCALE		R058346	
WC(D30/HIP)		2016/9/12	1:1		MABUCHI MOTOR CO., LTD. 414 1050301	

SNO: **S058346**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R058346	GS1:90 EW:90 GS2:120 GP:120 AF:20 KT